| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 408/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2019
"V/v Tranh chấp ly hôn
+ Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/- Ông Trần Minh Triển

2/- Bà Mai Hồng Thắm

***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2017 về "*Tranh chấp ly hôn+hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Tố T**, sinh năm: 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 11B1, khóm Đông H, phường Đông X, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Lâm Thanh của Công Ty Luật TNHH MTV Lâm Thanh thuộc đoàn luật sư Tỉnh An Giang (có mặt).

Địa chỉ: Số 16, đường Lý Thường K, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh **Lê Quốc T**, sinh năm: 1988 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp Hòa T, xã Hòa Bình T, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Số 3/7 đường Phạm Văn X, phường M, thành phố L, tỉnh

An Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Ninh Văn Khuê của Văn phòng Luật sư Ninh Văn khuê thuộc đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

Địa chỉ: Số 51A, đường Tôn Đức T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Ngọc Bích T, sinh năm 1967( vắng mặt).C Thành, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Số 3/7 đường Phạm Văn X, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/11/2016 các lời khai tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Phan Tố T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Quốc T kết hôn năm 2013, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa chị và mẹ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, chồng chị lo làm ăn không lo vun đắp cho gia đình, mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng ngày càng gay gắt nhưng chồng chị vẫn giữ im lặng, chị và anh T ly thân từ ngày 21/10/2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

**- Về con chung:** Có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 18/4/2015, hiện cháu T đang sống với chị. Hiện nay chị có nơi ở và việc làm ổn định, cháu T còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

**- Về tài sản chung:** Không có.

**- Về nợ chung:** Không có.

*Tại văn bản ý kiến và yêu cầu phản tố ngày 20/02/2017, các ý kiến bổ sung, các lời khai tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Quốc T trình bày:*

**- Về hôn nhân:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn, hôn nhân anh chị do mai mối, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ anh tự ý bỏ đi. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh đồng ý ly hôn.

**- Về con chung:** Có 01 con chung tên Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 18/4/2015, hiện cháu Tđang sống với chị T. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là ½ mức lương tối thiểu theo từng thời điểm thi hành án, cấp cho đến khi

con anh tròn 18 tuổi.

**- Về tài sản chung:** Anh có yêu cầu phản tố yêu cầu chia đôi tài sản chung và anh xin nhận bằng hiện vật, bao gồm:

1/ 02 chiếc vòng 2 lượng vàng 24kr tương đương 67.000.000đ (sáu mươi bảy triệu đồng); chị T đang giữ.

2/ 02 chiếc nhẫn bạch kim tương đương 5.216.000đ (năm triệu hai trăm mười sáu ngàn đồng); chị T đang giữ.

3/ 01 đôi bông hột xoàn 04 ly 2 tương đương số tiền 36.900.000đ (ba mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng); chị T đang giữ.

4/ 01 dây chuyền bạch kim tương đương số tiền 10.155.000đ (mười triệu một trăm năm mươi lăm ngàn đồng); chị T đang giữ.

5/ 01 tủ áo cưới tương đương số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); đang để ở nhà T.

6/ 06 chỉ vàng 24kara cho bà H vay (không rõ họ, ở ấp Hòa Thạnh, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang).

7/ Số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng); chị T giữ.

**- Về nợ chung:** Vợ chồng cùng hỏi mượn mẹ của anh T là bà Trang số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để chị T mua bán hàng trên mạng và anh T sử dụng làm công trình, anh T yêu cầu vợ chồng cùng trả số nợ này.

Đến ngày 08/10/2019 anh T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản chung và nợ chung.

*Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 các lời khai tại các biên bản hòa giải, lấy lời khai, đơn xin rút yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Ngọc Bích Trang trình bày***:**

Khoảng đầu năm 2016 bà có cho chị T và anh T mượn một lần số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), anh T chị T có trả nhiều lần cho bà và có mượn lại, tổng kết lại khi chị T bỏ đi thì anh T và chị T còn nợ bà số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Do là quan hệ mẹ con nên khi cho mượn tiền không có làm biên nhận nhưng chị T có ghi lại vào sổ. Bà yêu cầu T và T liên đới trả cho bà số tiền 50.000.000đồng.

Đến ngày 07/10/2019 bà Trang có đơn xin rút yêu cầu độc lập trên.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày quan điểm và đề nghị:* Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Phan Tố T được ly hôn với anh Lê Quốc T; Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung, cho chị T được tiếp tục nuôi con chung và anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Về tài sản và nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện rút yêu cầu phản tố chia tài sản chung của anh T và yêu cầu độc lập về nợ chung của bà Trang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm và đề nghị:* Hội đồng xét xử cho anh T và chị T thuận tình ly hôn; Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện rút yêu cầu phản tố chia tài sản chung của anh T và yêu cầu độc lập về nợ chung của bà Trang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Phan Tố T và anh Lê Quốc T, chị T được tiếp tục nuôi con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, đình chỉ yêu cầu phản tố chia tài sản chung của anh T và đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đinh Ngọc Bích Trang; chị T và anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định; Anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung; anh T và bà Trang được hoàn trả lại tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đinh Ngọc Bích T là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đinh Ngọc Bích T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phan Tố T và anh Lê Quốc T kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh T chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và hai bên ly thân từ ngày 21/10/2016 cho đến nay.

Xét thấy, suốt thời gian ly thân hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Qua hòa giải và tại phiên tòa hai bên đều cương quyết xin được ly hôn. Xét thấy khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên công nhận sự thuận tình ly hôn cho chị Phan Tố T và anh Lê Quốc T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 18/04/2015. Từ khi ly thân đến nay cháu T sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh T cũng đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi con và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy đinh pháp luật ½ mức

lương tối thiểu  cấp cho đến khi cháu Bảo T tròn 18 tuổi. Do đó nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận nầy của chị T và anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Anh T có yêu cầu phản tố yêu cầu chia đôi tài sản chung và anh xin nhận bằng hiện vật, bao gồm: 02 chiếc vòng 2 lượng vàng 24kr, 02 chiếc nhẫn bạch kim, 01 đôi bông hột xoàn 04 ly 2, 01 dây chuyền bạch kim, 01 tủ áo cưới, 06 chỉ vàng 24kara cho vay và số tiền mặt 10.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 08/10/2019 phía anh T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố và tại phiên tòa hôm nay vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút yêu cầu phản tố. Do đó căn cứ vào điều 217 và khoản 2 điều 244 bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố chia tài sản chung của anh Lê Quốc T.

[5] Về nợ chung: Bà Đinh Ngọc Bích T có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu anh T và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền đã mượn 50.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 07/10/2019 bà Trang có đơn xin rút yêu cầu độc lập không yêu cầu anh T và chị T trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng. Do đó căn cứ vào điều 217 và khoản 2 điều 244 bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Đinh Ngọc Bích T.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điều 147, 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Phan Tố T và anh Lê Quốc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định, anh Lê Quốc T phải chịu án phí  dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Quốc T rút lại yêu cầu phản tố và bà Đinh Ngọc Bích T rút lại yêu cầu độc lập được chấp nhận nên được trả lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều  51, 53, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 27, 28, 35, 147, 217, 218, 227, 228, 235, 244, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**-Về hôn nhân:**

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Tố T và anh Lê Quốc T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 83/ĐX ngày 21/11/2013 của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

**-Về con chung:**

Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T về con chung như sau: Chị Phan Tố T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 18/4/2015. Anh Lê Quốc T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu, cấp cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 25/10/2019 do chị Phan Tố T đại diện nhận .

Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh T, không ai được cản trở.

**-Về tài sản chung:** Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố chia tài sản chung của anh Lê Quốc T.

**- Về nợ chung:** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của bà Đinh Ngọc Bích T yêu cầu chị Phan Tố T và anh Lê Quốc T trả cho bà 50.000.000đồng.

**- Về án phí:**

Chị Phan Tố T phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng tại biên lai thu số 0000396 ngày 11/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Như vậy chị T được nhận lại 50.000đ(năm mươi ngàn đồng).

Anh Lê Quốc T phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và 300.000.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng anh được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.337.000đồng tại biên lai thu số 0000687 ngày 02/06/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Như vậy anh T được nhận lại 1.887.000đ(một triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Bà Đinh Ngọc Bích Trang được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.300.000 đồng( hai triệu ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0000589 ngày 19/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Chị Phan Tố T và anh Lê Quốc T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ( 25/10/2019). Bà Đinh Ngọc Bích Trang được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Kim Hoa**